

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 502/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí và các loại phí khác năm học 2026-2027

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 6700/QĐ-ĐCT ngày 19/3/2026 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-ĐU ngày 02/02/2026 của Đảng ủy Học viện về việc thông qua Kế hoạch tài chính năm 2026

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Công tác sinh viên; Viện Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về mức thu học phí các chương trình đào tạo:

1. Học phí các chương trình đào tạo

1.1 Đại học chính quy và vừa học vừa làm

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

| STT | Ngành | Định mức | Ghi chú |
|-----|--|----------|--|
| 1 | Quản trị kinh doanh hệ chất lượng cao | 899.000 | Học viện hỗ trợ định mức Giáo dục quốc phòng bằng hệ đại trà |
| 2 | Kinh tế hệ chất lượng cao | 899.000 | |
| 3 | Công nghệ thông tin | 605.000 | |
| 4 | Thiết kế và phát triển game (dự kiến) | 605.000 | |
| 5 | Truyền thông đa phương tiện | 605.000 | |
| 6 | Truyền thông xã hội (dự kiến) | 605.000 | |
| 7 | Công tác xã hội | 550.000 | |

| STT | Ngành | Định mức | Ghi chú |
|-----|---|----------|---------|
| 8 | Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội (dự kiến) | 550.000 | |
| 9 | Giới và Phát triển | 550.000 | |
| 10 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 580.000 | |
| 11 | Quản trị kinh doanh | 580.000 | |
| 12 | Luật kinh tế | 580.000 | |
| 13 | Luật | 580.000 | |
| 14 | Tâm lý học | 580.000 | |
| 15 | Kinh tế | 580.000 | |
| 16 | Kinh tế số | 580.000 | |
| 17 | Marketing | 580.000 | |

*** Ghi chú:**

- Chế độ ưu đãi: **Giảm 5%** trên tổng học phí trong trường hợp sinh viên hệ chính quy nộp ngay khi nhập học hoặc tuần đầu tiên của học kỳ I cho cả 01 năm học (bao gồm 40 tín chỉ học chuyên môn và 8 tín chỉ giáo dục quốc phòng).

1.2. Chương trình đào tạo Thạc sĩ

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

| ST T | Ngành | Định mức | Ghi chú |
|------|-----------------------|-----------|---------|
| 1 | Quản trị kinh doanh | 950.000 | |
| 2 | Công tác xã hội | 950.000 | |
| 3 | Luật | 950.000 | |
| 4 | Kinh tế học (dự kiến) | 950.000 | |
| 5 | Tâm lý học lâm sàng | 1.000.000 | |

*** Ghi chú:**

- Chế độ ưu đãi: **Giảm 10%** học phí cho học viên là cựu sinh viên, cán bộ Hội LHPN Việt Nam các cấp đi học.

1.3. Chương trình đào tạo Tiến sĩ

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

| STT | Ngành | Định mức | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------|------------------------|
| 1 | Quản trị kinh doanh | 1.250.000 | Giữ nguyên mức học phí |
| 2 | Công tác xã hội | 1.250.000 | |

*** Ghi chú:**

- Chế độ ưu đãi: **Giảm 5%** học phí cho học viên là cựu sinh viên, học viên, cán bộ Hội LHPN Việt Nam các cấp đi học.

2. Học phí chuyển đổi, bổ sung, cập nhật kiến thức

- Đối với nhóm từ 8 học viên trở lên: Học viện hỗ trợ 2/3 mức chi phí học tập, học viên nộp học phí tương đương bằng mức 1 tín chỉ của ngành đào tạo hệ đại học hoặc thạc sỹ.

- Đối với nhóm từ 8 học viên trở xuống: Căn cứ số lượng thực tế sẽ thông báo cụ thể tới từng học viên.

3. Học phí ôn tập, hệ thống kiến thức (dành cho thi tuyển): 600.000 đồng/môn

Điều 2. Quy định về mức thu lệ phí và các khoản hỗ trợ khác như sau:

1. Lệ phí xét tuyển (thu ngay khi nộp hồ sơ)
 - Chương trình đào tạo đại học chính quy: 100.000 đồng/nguyên vọng (Áp dụng cho xét tuyển bổ sung)
 - Chương trình đào tạo thạc sỹ: 500.000 đồng/học viên (nếu tổ chức xét tuyển)
 - Chương trình đào tạo tiến sỹ: 1.500.000 đồng/học viên
2. Phí xác minh văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ chứng nhận: 200.000 đồng/loại
3. Phí nhập học: Đại học chính quy: 100.000 đồng/sinh viên; sau đại học: 300.000 đồng/học viên
4. Bộ thẻ sinh viên: bao gồm thẻ đa năng (tích hợp thẻ sinh viên, thẻ thư viện và thẻ ATM) và bộ dây đeo thẻ: áp dụng đối với sinh viên, học viên bắt đầu vào học tại Học viện: 110.000 đồng/sinh viên.
5. Hỗ trợ dịch vụ học tập số (VWA connect, email, wifi, phần mềm, thư viện...): 200.000 đồng/năm học
6. Phí sử dụng tài khoản cơ sở dữ liệu khoa học
 - Chương trình đào tạo thạc sỹ: 500.000 đồng/học viên (dùng theo nhóm)
 - Chương trình đào tạo tiến sỹ: 1.000.000 đồng/nghiên cứu sinh
7. Khám sức khỏe đầu vào: áp dụng đối với sinh viên bắt đầu vào học tại Học viện mức thu: 250.000 đồng/ sinh viên.
8. Bộ tài liệu điện tử, cẩm nang hướng dẫn tân sinh viên: áp dụng đối với sinh viên bắt đầu vào học tại Học viện: 50.000 đồng/sinh viên/khóa.
9. Đồng phục thể chất (01 bộ mùa hè + 01 áo khoác mùa đông): dự kiến 400.000 đồng/sinh viên/khóa (sinh viên may đo và chi trả trực tiếp cho đơn vị cung cấp)
10. Định mức sử dụng khu nội trú:
 - Phí sử dụng khu nội trú nhà A1: 270.000 đồng/sinh viên/tháng, không bao gồm tiền vệ sinh, điện, nước và các dịch vụ khác,
 - Phí sử dụng khu nội trú tòa nhà A2: 500.000 đồng/sinh viên/tháng, không bao gồm tiền vệ sinh, điện, nước, thang máy và các dịch vụ khác.



- Quy định mức thu các khoản phí đi kèm:
 - + Phí dịch vụ vệ sinh, nước, dịch vụ vắt quần áo: 100.000 đồng/sinh viên/tháng
 - + Phí sử dụng thang máy: 50.000 đồng/sinh viên/ tháng
- Tiền đặt cọc cơ sở vật chất:
 - + Đối với sinh viên đăng ký ở tại khu Nhà A1: 300.000 đồng
 - + Đối với sinh viên đăng ký ở tại khu Nhà A2: 500.000 đồng

(Sinh viên có trách nhiệm nộp tiền đặt cọc cơ sở vật chất vào đầu kỳ học. Trong thời gian lưu trú, nếu sinh viên làm hư hỏng tài sản của Học viện hoặc không thực hiện việc dọn vệ sinh phòng khi hết hạn hợp đồng, khoản đặt cọc sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí sửa chữa, thay thế tài sản và/hoặc chi phí vệ sinh. Trường hợp sinh viên không vi phạm các quy định nêu trên, toàn bộ số tiền đặt cọc sẽ được hoàn trả đầy đủ khi kết thúc thời gian ở).

11. Bảo hiểm y tế sinh viên (bắt buộc).

- Đối với sinh viên khoá 14:
 - + Thời gian tham gia bảo hiểm: từ 1/10/2026 đến 31/12/2027
 - + Mức đóng: 4,5% mức lương cơ sở, cụ thể:

$$2.340.000 \times 4,5\% \times 50\% \times 15 \text{ tháng} = 789.750 \text{ đồng}$$

- Đối với sinh viên các khoá còn lại: Phòng Công tác sinh viên triển khai Thông báo thu bảo hiểm y tế năm 2027 vào tháng 11/2026.

(Học viện sẽ thông báo điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi mức lương cơ sở).

Điều 3. Quy định về việc hoàn trả các khoản học phí, phí nhập học đối với tân sinh viên xin thôi học:

- Học viện trả lại 90% tổng học phí đối với trường hợp thôi học từ khi có Quyết định công nhận sinh viên cho đến tuần học đầu tiên của năm học; 80% tổng học phí đối với trường hợp thôi học ở tuần học thứ hai của năm học; 70% tổng học phí đối với trường hợp thôi học ở tuần học thứ ba của năm học; 60% tổng học phí đối với trường hợp thôi học ở tuần học thứ tư của năm học.

Các trường hợp thôi học từ tuần thứ năm trở đi của năm thứ nhất và từ năm thứ hai chỉ được rút hồ sơ, không được hoàn trả các khoản đã nộp.

Tính tổng số tín chỉ của năm học: 40 tín chỉ x định mức học phí tín chỉ theo từng ngành học đã được công bố.

Khoản giữ lại để bù đắp chi phí dịch vụ quản lý, triển khai hoạt động tuyển sinh, tổ chức nhập học, tổ chức đào tạo, công tác sinh viên...

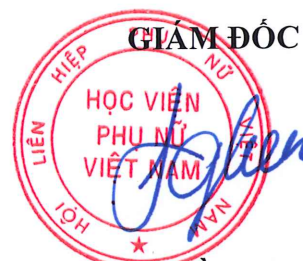
- Không hoàn trả các loại phí và các khoản thu khác đã được triển khai thực hiện.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và cố vấn học tập được quy định trong Phụ lục kèm theo Quyết định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực cho năm học 2026-2027, thay thế cho các quy định trước đây có liên quan. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, cố vấn học tập và người học có trách nhiệm thực hiện quyết định này. *qlh*

Nơi nhận:

- Thường trực ĐCT Hội LHPN Việt Nam (để b/c);
- Thành viên BGĐ Học viện;
- Ban Công tác Phụ nữ Hội LHPN VN;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện;
- Lưu (VT, ĐT, TCKT, CTSV, TCHC, VCNTT).



PGS. TS. Trần Quang Tiến



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 502/QĐ-HVPNVN ngày 12 tháng 5 năm 2026)

I/ Trách nhiệm của các đơn vị trong Học viện

1. Phòng Đào tạo:

- Phòng Đào tạo và các khoa, viện: Lồng ghép nội dung học phí vào các Thông báo, Đề án, tài liệu tuyển sinh, giới thiệu về ngành, chương trình đào tạo; tham gia giải thích, tư vấn cho thí sinh và các đối tượng có nhu cầu, phản ánh các ý kiến điều chỉnh;

- Xác lập, cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ số tín chỉ của từng chương trình đào tạo và đăng ký học của từng người học trong mỗi học kỳ để phòng Tài chính kế toán xác lập học phí phải thu đối với cả chương trình và từng người học;

- Có trách nhiệm thông báo các khoản thu cho sinh viên liên quan đến tuyển sinh, liên kết đào tạo, tổ chức đào tạo và trên trang thông tin điện tử quản lý đào tạo của Học viện;

2. Phòng Tài chính kế toán:

- Xây dựng lộ trình cụ thể học phí trước từng năm học, học kỳ, ban hành các thông báo sớm để SV nắm bắt được và chủ động phương án cũng như kinh phí học tập;

- Kiểm tra, đối soát và cập nhật học phí của sinh viên lên hệ thống quản lý đào tạo và Cổng thông tin người học đảm bảo chính xác, kịp thời;

- Chủ động xây dựng phương án cho Ban Giám đốc để tham mưu trình đơn vị cấp trên xin cấp nguồn kinh phí ngân sách nhà nước liên quan đến các chế độ miễn/giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập, trợ cấp xã hội,...đảm bảo đúng quy định, giúp các đối tượng người học được hưởng yên tâm học tập;

- Ứng dụng mạnh mẽ CNTT, hệ thống chuyển đổi số trong thanh toán, tổng hợp, báo cáo về kết quả thu – chi từ nguồn học phí và các nguồn tài chính khác;

- Có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về mức thu học phí, thời gian thu, hình thức thu; thực hiện thu, quản lý học phí, phí sử dụng khu nội trú và các loại phí dịch vụ khác theo quy định;

3. Phòng Công tác sinh viên:

- Quán triệt đến cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm để truyền thông đầy đủ, kịp thời ngay đến người học; giải thích đầy đủ các ý kiến của người học; nắm bắt, tổng hợp ý kiến của người học qua kênh cố vấn học tập/ giáo viên chủ nhiệm để tham mưu giải pháp động viên, ổn định tư tưởng đối với người học;

- Có trách nhiệm lập danh sách sinh viên, xác định mức miễn, giảm học phí và các chế độ khác, phối hợp với phòng Tài chính Kế toán thực hiện các thủ tục đề nghị Nhà nước cấp bổ sung ngân sách, triển khai kịp thời đến cố vấn học tập để các bên cùng có trách nhiệm thông báo, nhắc nhở, đôn đốc sinh viên nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản học phí và phí theo quy định;

4. Phòng Tổ chức hành chính:

- Phối hợp cùng Viện CNTT đẩy nhanh hoàn thiện phân hệ chuyển đổi số về tài chính kế toán, tuyển sinh để đảm bảo ứng dụng dịch vụ thanh toán, kiểm soát tài chính



Handwritten signature or initials in blue ink.

trực tuyến; tham mưu phân quyền và các giải pháp đảm bảo an ninh mạng đối với toàn hệ thống chuyển đổi số;

- Có trách nhiệm thông báo nội dung của Quyết định này liên quan đến cơ sở vật chất, đưa đầy đủ, chính xác các định mức thu/chi vào các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác sử dụng cơ sở vật chất, khu nội trú và các dịch vụ khác;

5. Viện công nghệ thông tin:

- Đăng tải thông tin lên cổng Thông tin điện tử và các tài liệu truyền thông cấp Học viện ra bên ngoài xã hội; đầu mối giám sát công tác truyền thông về học phí, các khoản thu; tổng hợp ý kiến phản ánh để gửi phòng Tài chính kế toán tham mưu điều chỉnh;

- Có trách nhiệm thông báo nội dung của Quyết định này liên quan tới chi phí dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác;

6. Cố vấn học tập:

- Thông tin đầy đủ về phương án thu học phí đến người học ngay từ đầu học kỳ, năm học, các buổi họp lớp, đảm bảo 100% SV thuộc lớp quản lý nắm bắt được cơ chế, phương án học phí;

- Quan tâm theo dõi, nắm bắt tình hình, ghi nhận các ý kiến phản hồi của người học về vấn đề học phí để phản ánh đến các đơn vị có liên quan; đề xuất các giải pháp xử lý dư luận liên quan đến vấn đề học phí (nếu có);

